

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HSST

Ngày 16/02/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Bà Tống Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2022/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN D (Tên gọi khác: D G)**, sinh ngày 08 tháng 7 năm 1985; Tại: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKKHKT: 61 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi tạm trú: 53/02/02 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông: Nguyễn Sỹ Q, sinh năm 1942; Con bà: Trần Thị Kim D, sinh năm 1958. Hiện điều trú tại: 61 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thùy Q, sinh năm 1988 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2009.

Tiền sự: Không;

Tiền án:

- Ngày 08/9/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk

Lắc, xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội Đánh bạc, tại bản án số 297/2009/HSST. Ngày 07/12/2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 06 tháng tù, về tội Đánh bạc, tại bản án số 373/2009/HSPT. Ngày 11/7/2010, chấp hành xong án phạt tù. Bị cáo chưa được xóa án tích.

- Ngày 17/3/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm tù, về tội Cố ý gây thương tích, tại bản án số 86/2015/HSST. Ngày 26/5/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm tù, về tội Cố ý gây thương tích, tại bản án số 180/2015/HSPT. Ngày 22/4/2017, chấp hành xong án phạt tù. Bị cáo chưa được xóa án tích.

- Ngày 17/7/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù, về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tại bản án số 175/2018/HSST. Ngày 03/10/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù, về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tại bản án số 310/2018/HSPT. Ngày 13/11/2019, chấp hành xong án phạt tù. Bị cáo chưa được xóa án tích.

Nhân thân:

- Ngày 12/6/2008, bị Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 22949 về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức xử phạt: Phạt tiền. Ngày 13/6/2008, thi hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/11/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột – Có mặt.

Người bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Đ, sinh năm 1974. Địa chỉ: 91/9 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1982. Địa chỉ: 122/10 M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1958. Địa chỉ: 61 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. Ông Nguyễn Sỹ Q, sinh năm 1942. Địa chỉ: 61 Trần Quý C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn D là người đã có nhiều tiền án chưa được xóa án tích, trong thời gian từ ngày 23/7/2021 đến ngày 11/11/2021, Nguyễn Văn D đã thực hiện trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 01 giờ ngày 23 tháng 7 năm 2021, Nguyễn Văn D mang theo một thanh sắt dài khoảng 30cm đi bộ đến bên hông cuối căn nhà của bà Nguyễn Thị Xuân Đ, sinh năm: 1974, tại địa chỉ: 91/9 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để trộm cắp cây mai của gia đình chị Đ. Khi đến nơi, D sử dụng thanh sắt mang theo đào bới đất xung quanh gốc của một cây mai có đặc điểm: Vành gốc 81cm, từ gốc chia làm 05 thân, vành các thân từ 28cm-38cm, từ thân chia làm nhiều cành nhỏ, trồng trong chậu xi măng đặt trong vườn nhà bà Đ. Đến khoảng 03 giờ sáng cùng ngày, D đi bộ về nhà tại địa chỉ 53/2/2 T, phường T, thành phố B lấy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xám (không rõ biển số) điều khiển đi đến nhà bà Đ, dừng xe ngoài đường, rồi lại gần dùng tay nhổ cây mai mà D đã đào đất trước đó ra khỏi chậu, bỏ lên xe mô tô chở về cất giấu tại khu vực đất trống trong vườn của nhà bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1953, trú tại: 61 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (là mẹ của D). Sau đó, D sử dụng 01 cái kéo cắt cành bằng kim loại, có vỏ bọc bằng nhựa màu xanh cắt tỉa các cành lá xung quanh cây để bà Đ không phát hiện, rồi giấu cây mai tại một gốc cây trong vườn nhà bà D và đi về nhà ngủ. Đến khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, chị Đ phát hiện bị mất cây mai rồi đi tìm thì phát hiện cây mai trong vườn nhà bà D nên trình báo sự việc đến cơ quan công an.

Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị Xuân Đ đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, 01 cây mai có đặc điểm: Vành gốc 81cm, từ gốc chia làm 05 thân, vành các thân từ 28cm-38cm, từ thân chia làm nhiều cành nhỏ, chiều cao từ gốc lên ngọn cao nhất là 1,7m, tán cây đã được cắt tỉa các cành lá rộng 70cm, là cây mai mà Nguyễn Văn D đã trộm cắp, để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản Kết luận định giá số 224/KL-HĐĐGTS ngày 14/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 cây mai có đặc điểm: Vành gốc 81cm, từ gốc chia làm 05 thân, vành các thân từ 28cm-38cm, từ thân chia làm nhiều cành nhỏ, chiều cao từ gốc lên ngọn cao nhất là 1,7m, tán cây đã được cắt tỉa các cành lá rộng 70cm, trị giá: 10.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 01 giờ ngày 11 tháng 11 năm 2021, Nguyễn Văn D đi đến nhà của bà Trần Thị N (sinh năm 1982), ở địa chỉ: 51/4 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà bà N, D trèo qua tường nhà đột nhập vào bên trong, đi đến phòng vệ sinh của căn nhà thì thấy cửa phòng vệ sinh được khóa bằng ổ khóa nên D dùng 01 cây sắt dài khoảng 50cm, đường kính khoảng 01cm có sẵn trong nhà của chị N, cạy gãy khuy khóa cửa rồi đi vào bên trong. Tại đây, D trộm cắp được 01 cái nồi bằng kim loại, đường kính khoảng 60cm, chiều cao khoảng 50cm, cân nặng khoảng 10kg rồi mang ra ngoài, tẩu thoát. Sau đó, D mang chiếc nồi về cất giấu tại khu vực phòng bếp của nhà bà Trần Thị Kim D (là mẹ của D) nhưng bà D không biết D cất giấu chiếc nồi do trộm cắp mà có. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng

không thấy nên không tạm giữ được chiếc nôi. Sau khi dùng 01 cây sắt dài khoảng 50cm, Nguyễn Văn D đã vứt thanh sắt tại khu vực nhà của chị N, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy, nên không thu giữ được. Sau khi bị mất chiếc nôi, chị N đã trình báo đến Cơ quan Công an để giải quyết vụ việc.

Tại bản Kết luận định giá số 242/KL-HĐĐGTS ngày 05/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 cái nôi bằng kim loại, đường kính khoảng 60cm, chiều cao khoảng 50cm, cân nặng khoảng 10kg, trị giá 3.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 62/CT-VKS-HS ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại Cơ quan điều tra, cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng số 62/CT-VKS-HS ngày 25 tháng 01 năm 2022, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

* Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Buộc bị cáo phải bồi thường 3.000.000 đồng giá trị cái nôi bằng kim loại mà bị cáo đã lấy trộm không thu hồi lại được cho bà Trần Thị N.

- *Về xử lý vật chứng*: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Xuân Đ 01 cây mai có đặc điểm: Vành gốc 81cm, từ gốc chia làm 05 thân, vành các thân từ 28cm -38cm, từ thân chia làm nhiều cành nhỏ, chiều cao từ gốc lên ngọn cao nhất là 1,7m, tán cây đã được cắt tỉa các cành lá rộng 70cm thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Xuân Đ.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì thêm chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình thực hiện các quyết định điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ tài liệu gì, bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong khoảng thời gian từ ngày 23/7/2021 đến ngày 11/11/2021 bị cáo Nguyễn Văn D đã trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị Xuân Đ là cây mai trị giá 10.000.000 đồng và tài sản của bà Trần Thị N là cái nồi bằng kim loại trị giá 3.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 13.000.000 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

[3]. Lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, chứng minh đầy đủ các tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, như vậy quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định.

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm.”

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác trái pháp

luật, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Bị cáo nhận thức được rằng, quyền sở hữu tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, luôn luôn được Nhà nước bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị pháp luật nghiêm trị. Song, do động cơ vụ lợi cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút để trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị Xuân Đ và bà Trần Thị N để sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân xấu và đang có tiền án về nhiều tội danh khác nhau, bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để rèn luyện cho bản thân mà tiếp tục phạm tội với tính chất và mức độ ngày càng nguy hiểm hơn. Bản thân bị cáo phạm tội hai lần trở lên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đối với bị cáo cần có bản án nghiêm khắc và buộc cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định có như vậy mới đủ tính chất, giáo dục và răn đe đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn D còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hình thức Cảnh cáo theo quy định tại khoản 1, Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013, là phù hợp.

Đối với địa điểm mà bị cáo Nguyễn Văn D cất giấu các tài sản do trộm cắp mà có, là nhà của bà Trần Thị Kim D và ông Nguyễn Sỹ Q (là mẹ và cha của bị cáo Nguyễn Văn D), tại địa chỉ: 61 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình cất giấu tài sản thì bà D, ông Q không biết và bị cáo D cũng không nói cho bà D, ông Q biết việc bị cáo cất giấu tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với bà Trần Thị Kim D, ông Nguyễn Sỹ Q, là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xám, không rõ biển số mà Nguyễn Văn D sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp cây mai của bà Nguyễn Thị Xuân Đ. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, D đã bán chiếc xe mô tô cho tiệm cầm đồ (D không nhớ rõ tên, địa chỉ), nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với 01 cây sắt dài khoảng 30cm và 01 chiếc kéo cắt cành bằng kim loại, có vỏ bọc bằng nhựa màu xanh là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn D dùng làm công cụ phạm tội, sau đó D đã vứt bỏ tại khu vực suối, bên cạnh căn nhà ở địa chỉ 51/5/24 T, phường T, thành phố B, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy nên không thu giữ được.

Trong vụ án này, còn có người tên H, đã bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Văn D mua để sử dụng nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[3]. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tài sản do bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn và một phần tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, ngoài ra bị cáo còn có bố là ông Nguyễn Sỹ Q thuộc trường hợp thương binh loại A đây là các tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo được hưởng cần áp dụng trong khi lượng hình, để giảm nhẹ một phần hình phạt, đồng thời thể hiện được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[4]. Về các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- *Về trách nhiệm dân sự:*

+ Đối với 01 cây mai mà bị cáo đã lấy trộm của bà Nguyễn Thị Xuân Đ, bà Đ đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên cần chấp nhận.

+ Đối với chiếc nồi bằng kim loại mà bị cáo đã lấy trộm của bà Trần Thị N không thu hồi lại được, bà N yêu cầu phải bồi thường giá trị 3.000.000 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận. chấp nhận bà N không yêu cầu bị cáo không phải bồi thường đối với thanh sắt bị mất và chìa khóa cửa bị phá.

- *Về xử lý vật chứng:* Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Xuân Đ 01 cây mai có đặc điểm: Vành gốc 81cm, từ gốc chia làm 05 thân, vành các thân từ 28cm -38cm, từ thân chia làm nhiều cành nhỏ, chiều cao từ gốc lên ngọn cao nhất là 1,7m, tán cây đã được cắt tỉa các cành lá rộng 70cm thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Xuân Đ.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn D** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/11/2021.

* Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo Nguyễn Văn D bồi thường cho bà Trần Thị N với số tiền là 3.000.000 đồng.

- *Về xử lý vật chứng*: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Xuân Đ 01 cây mai có đặc điểm: Vành gốc 81cm, từ gốc chia làm 05 thân, vành các thân từ 28cm -38cm, từ thân chia làm nhiều cành nhỏ, chiều cao từ gốc lên ngọn cao nhất là 1,7m, tán cây đã được cắt tỉa các cành lá rộng 70cm thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Xuân Đ.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA DS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chánh án TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo;
- Bị hại;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Y Kam Ênuôl